FireAnt

# KẾT QUẢ KINH DOANH

| Ngày 31/12/2024 | 10,150 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| *Thay đổi* | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | -0.5% | - | - |

**DT thuần** — *2024*: 1,967 *tỷ VNĐ*; YoY ▼ 5.00 ▼ 0.2%

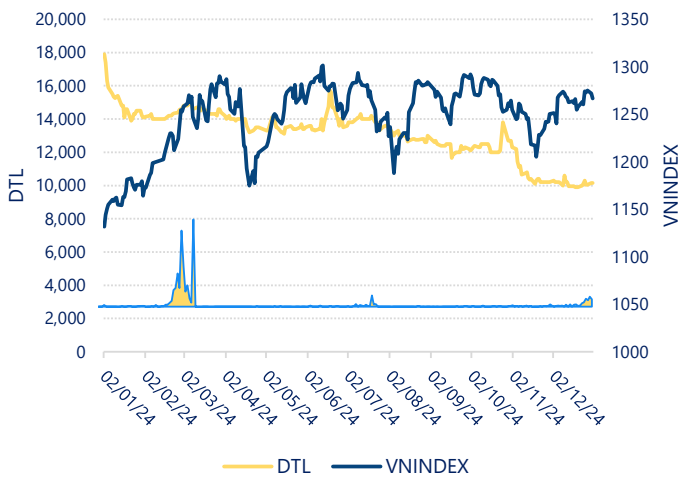
**LN gộp** — *2024*: -5.24 *tỷ VNĐ*; YoY ▲ 30.5 ▲ 85.3%

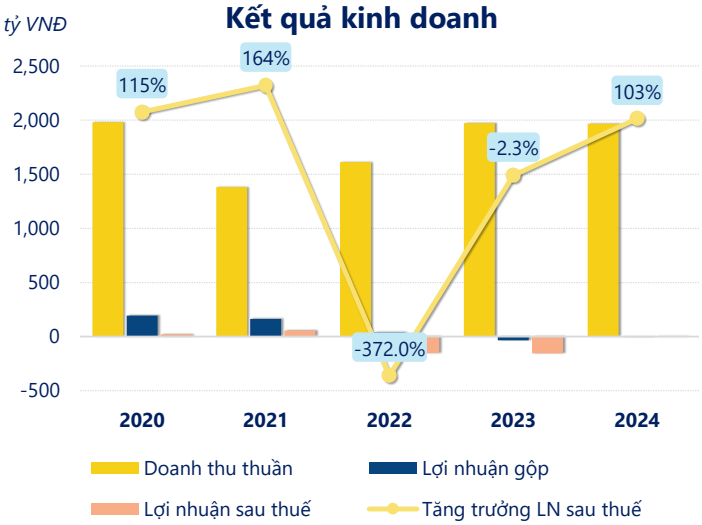
**LN thuần** — *2024*: -112 *tỷ VNĐ*; YoY ▲ 49.0 ▲ 30.3%

**LN sau thuế** — *2024*: 4.25 *tỷ VNĐ*; YoY ▲ 160 ▲ 103%

**ROE** — 2024: 0.6%; +/- YoY ▲ 19.3%

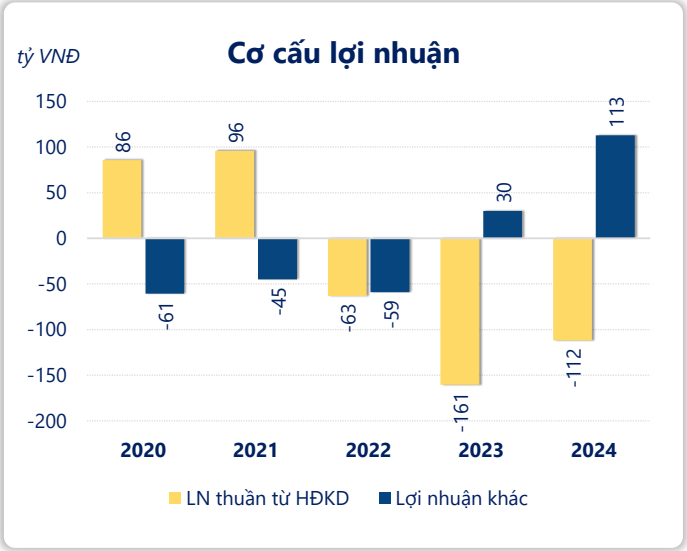
**ROA** — 2024: 0.2%; +/- YoY ▲ 7.2%

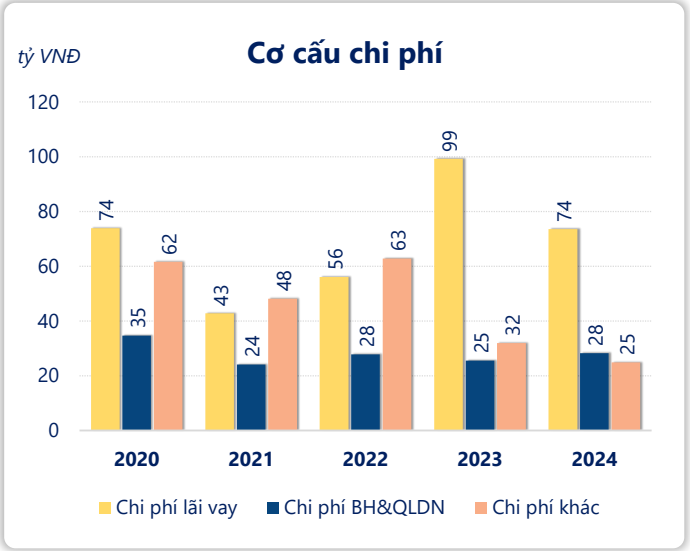



Năm **2024**, **DTL** ghi nhận doanh thu thuần **1,967** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **4.25** tỷ đồng, lần lượt **giảm 0.24%** và **tăng 103%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

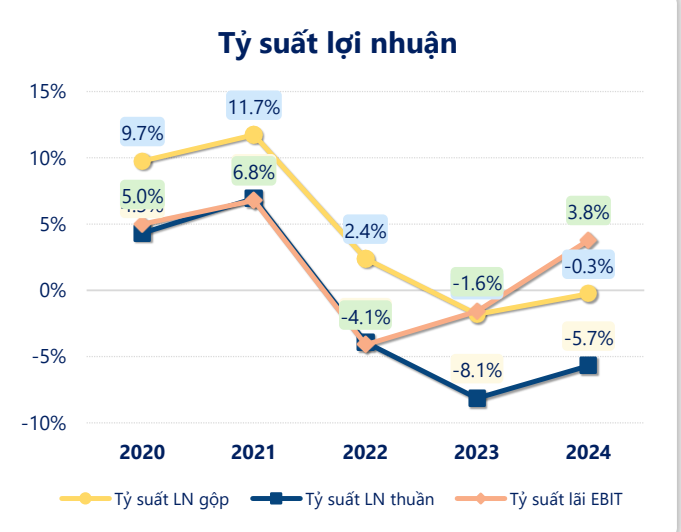


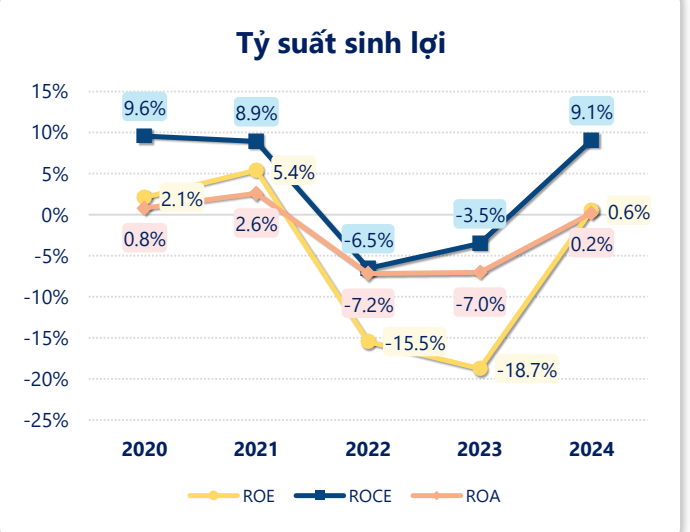




**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** của **DTL** năm **2024 tăng lên 48.70** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 111.9 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 160.6 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

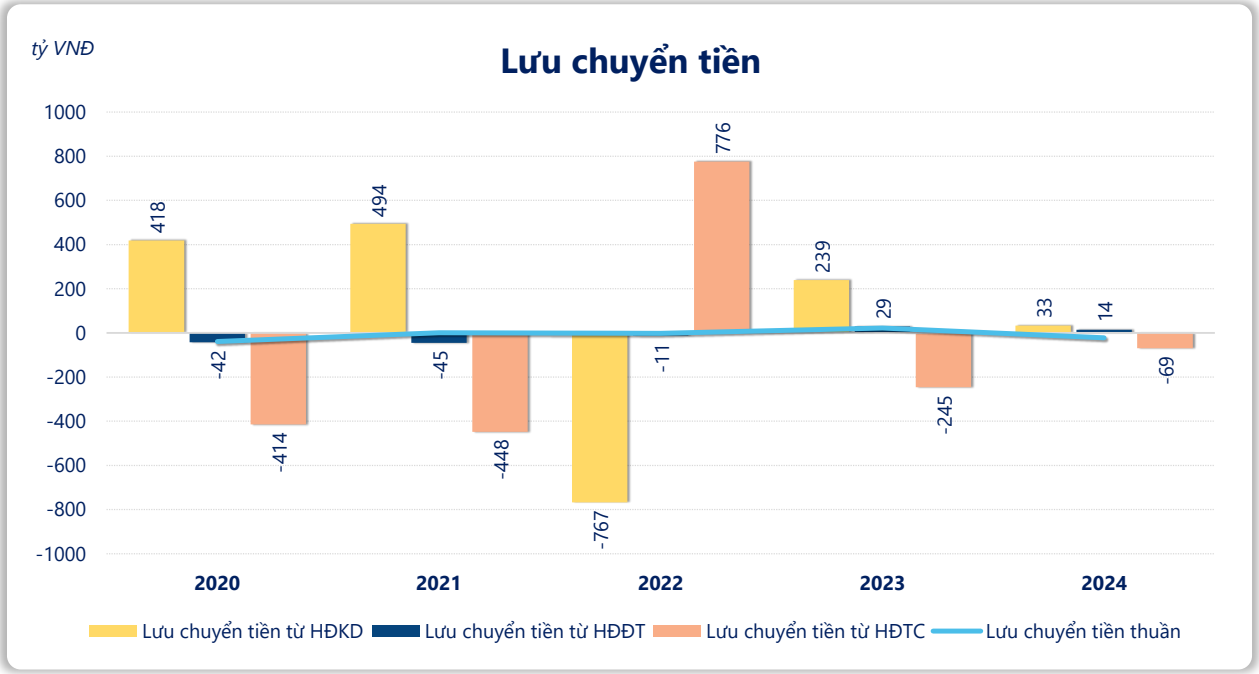
**Chi phí lãi vay giảm xuống** so với năm trước, còn **73.59** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **28.18** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **24.84** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

**ROE** của DTL năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **0.56%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **1,982** | **1,381** | **1,613** | **1,972** | **1,967** |
| Giá vốn hàng bán | 1,789 | 1,219 | 1,574 | 2,007 | 1,972 |
| **Lợi nhuận gộp** | **193** | **162** | **38.4** | **-35.7** | **-5.24** |
| Doanh thu HĐTC | 2.83 | 0.93 | 0.40 | 2.28 | 0.49 |
| Chi phí TC | 75.7 | 43.0 | 74.2 | 102 | 79.0 |
| **Chi phí lãi vay** | **73.9** | **42.7** | **56.0** | **99.2** | **73.6** |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 9.76 | 7.75 | 6.81 | 5.89 | 3.42 |
| Chi phí QLDN | 24.8 | 16.3 | 21.0 | 19.6 | 24.8 |
| **LN thuần từ HĐKD** | **85.7** | **95.8** | **-63.2** | **-161** | **-112** |
| Lợi nhuận khác | -60.5 | -44.9 | -59.0 | 30.1 | 113 |
| **LN trước thuế** | **25.2** | **50.9** | **-122** | **-130** | **0.96** |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **21.3** | **56.1** | **-153** | **-156** | **4.25** |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **21.3** | **56.1** | **-153** | **-156** | **4.25** |




**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của DTL bằng **-21.79** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (22.14 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **32.62** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **14.29** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-68.71** tỷ đồng.